



THÔNG BÁO

năm học 2022 - 2023 (Tháng 06 năm 2023)

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	73	Số m ² /học sinh
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	55	1.3
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhỏ	0	-
5	Số phòng học bộ môn	15	0.4
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	3	0.1
7	Bình quân lớp/phòng học	0.9	-
8	Bình quân học sinh/lớp	38.4	-
III	Số điểm trường	0	-
IV	Tổng số diện tích đất (m ²)	6500	
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m ²)	1300	
VI	Tổng diện tích các phòng	4566	
1	Diện tích phòng học (m ²)	56 ² x 55 = 3080m ²	
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	996m ²	
3	Diện tích thư viện (m ²)	168m ²	
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	-	
5	Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m ²)	P. Đoàn-Đội: 28 m ² P. Truyền thống: 108 m ²	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định		
1.1	Khối lớp 10	66	8
1.2	Khối lớp 11	66	8
1.3	Khối lớp 12	88	11
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp...		
2.2	Khối lớp...		
2.3	Khối lớp...		
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)		
4	...		

VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	315	7.6 hs/bộ
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi		
2	Cát xét	5	
3	Đầu Video/đầu đĩa		
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	1	
5	Thiết bị khác...		
6			
IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi		
2	Cát xét	5	
3	Đầu Video/đầu đĩa		
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	1	
5	Máy chiếu + Bảng thông minh	22	
6	Tivi tích hợp máy tính	21	

	Nội dung	Số lượng (m ²)
--	----------	----------------------------

X	Nhà bếp	
---	---------	--

XI	Nhà ăn	100 m ²
----	--------	--------------------

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
--	----------	--	--------	-------------------------

XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú			
-----	---------------------------------	--	--	--

XIII	Khu nội trú			
------	-------------	--	--	--

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	2		5/5		
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

trường trung học phổ thông và trung học phổ thông có nhiều cấp học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 06 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG



Lương Thế Vinh